TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn C hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Lê S, S năm 1976

Địa chỉ: Số 7/221 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: 23 Lê Ngọc Hân, phường Tây Lộc, thành phố H.

+ Bị đơn: Chị Hà Thị H, S năm 1976.

Địa chỉ: Số 7/221 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị D (đã rút yêu cầu độc lập nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu độc lập).

Địa chỉ: Số Số 7/221 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngân hàng Thương mại cổ phần AC.

Địa chỉ: Số 442 đường K, Phường S, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh (không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- Căn C vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn C vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn C vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Lê S và chị Hà Thị H (Anh S, chị H đăng ký kết hôn ngày 24/02/1999, số 10, quyển số 01/1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Anh S, chị H có 03 con chung. Riêng cháu Nguyễn Thị Hoa P, sinh ngày 25/5/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh S, chị H thỏa thuận giao 02 cháu Nguyễn Thị Anh Đ, sinh ngày 27/01/2004 và Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 12/11/2007, hiện đang ở với chị H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Anh Đ mỗi tháng 2.000.000đ, cháu Anh T mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh S được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

b. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Lê S và chị Hà Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d.Về án phí:

- Án phí ly hôn: Anh S tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ.
- Án phí cấp dưỡng: Anh S phải chịu 150.000đ.

Được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/002818 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
-VKSND TP H;
-THADS TP H;
- UBND phường T, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đình Tú